

BÁO CÁO

Kết quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm năm 2018
(Từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018)

I. CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT

- Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 63/2013/QH13, Nghị quyết số 96/2015/QH13, Nghị quyết số 111/2015/QH13, Nghị quyết số 55/2017/QH14 của Quốc hội và các Chương trình của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác thi hành án, công tác phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, công tác điều tra, xử lý tội phạm trong năm 2018.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới”; Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới; Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông”; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC; Chỉ thị số 1634/CT-TTg ngày 31/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm trong công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 9/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự (ANTT) trong tình hình mới; Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 26/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.... Các cấp ủy đảng, chính quyền đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện bằng các chương trình hành động và kế hoạch cụ thể.

- Tiếp tục thực hiện các Chương trình phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; phòng chống tội phạm mua bán người và thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2018; ban hành kế hoạch tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2018; tổ chức triển khai, tuyên truyền về ngày toàn dân phòng, chống mua bán người 30/7; Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ tỉnh ban hành Kế hoạch, tổ chức kiểm tra công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2017 và 2018.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành và cấp ủy chính quyền địa phương trong tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên tích cực tham gia vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; duy trì, nhân rộng các mô hình tự quản bảo đảm ANTT ở cơ sở, kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Tăng cường quản lý, giáo dục đối tượng tù tha, thực hiện tốt công tác tái hòa nhập cộng đồng; thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, đoàn thể và nhân dân trong công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền phù hợp với đặc điểm đối tượng, địa bàn; nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tinh thần cảnh giác của nhân dân, chủ động phòng ngừa, phát hiện, tố giác, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật. Chỉ đạo mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, triệt xóa các băng, ổ nhóm tội phạm, tệ nạn xã hội. Thường xuyên phối hợp tuyên truyền về tình hình ANTT trên địa bàn trên các phương tiện thông tin đại chúng; duy trì website conganbacgiang.gov.vn; bản tin ANTT trên truyền hình Bắc Giang. Qua công tác tuyên truyền đã nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm, cảnh giác cho quần chúng nhân dân và các cơ quan, đơn vị.

- Ban hành Chỉ thị mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm đảm bảo ANTT Tết nguyên đán. Chỉ đạo tổ chức lực lượng, biện pháp tấn công, triệt phá được hầu hết các băng nhóm tội phạm nguy hiểm như: cướp, cướp giật, trộm cắp tài sản. Không để hình thành các băng nhóm tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen. Tình hình trật tự an toàn xã hội có chuyển biến tốt hơn.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐẤU TRANH CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT

1. Tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật

a) Tình hình tội phạm

**** Tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia***

Tình hình an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh ổn định, không xảy ra vấn đề phức tạp. Tuy nhiên, tình hình người địa phương xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động tăng. Xảy ra một số vụ đình công, lãn công tại các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài với số lượng công nhân tham gia lớn; phát hiện trên công thông tin điện tử tại UBND một số địa phương có đăng tải tài liệu có nội dung bí mật nhà nước. Tình hình các địa điểm tranh chấp khiếu kiện còn diễn biến phức tạp, nhất là tại các điểm tranh chấp đất lâm nghiệp; hoạt động tôn giáo trái pháp luật tiếp tục diễn biến phức tạp và tiềm ẩn phức tạp về ANTT.

** Tội phạm xâm phạm trật tự xã hội*

Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 619 vụ, làm chết 20 người, bị thương 173 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 14 tỷ đồng. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội được kiềm chế và giảm 120 vụ so với cùng kỳ năm 2017 (619/739 vụ), tập trung ở một số loại tội phạm như: trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích... Tuy nhiên một số loại án tăng như giết người tăng 05 vụ (23/18), trộm cắp tài sản 50 vụ (281/231 vụ)... Bắt 186 vụ 1155 đối tượng đánh bạc, thu giữ trên 3,7 tỷ đồng cùng nhiều tang vật khác; 14 vụ 68 đối tượng hoạt động mại dâm; tệ nạn cờ bạc, mại dâm vẫn diễn ra với nhiều hình thức, song chủ yếu vẫn là đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, đánh bài, ghi số đề, cá cược bóng đá qua Internet, điện thoại di động, lợi dụng các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, massage, karaoke... để hoạt động.

** Tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng và chức vụ*

Phát hiện, khởi tố 11 vụ 16 bị can phạm tội về tham nhũng, chức vụ; 222 vụ, 231 đối tượng có hành vi xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, thu giữ hàng hoá nhập lậu trị giá trên 14 tỷ đồng và nhiều tang vật khác, đã khởi tố 22 vụ 25 bị can, xử lý hành chính 200 vụ, 206 đối tượng với tổng số tiền khoảng 4,0 tỷ đồng. Số vụ phát hiện về tội phạm tham nhũng, chức vụ tăng so với cùng kỳ năm 2017, các vụ việc được phát hiện đều gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp xảy ra chủ yếu ở lĩnh vực đầu tư công, liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, đối tượng phạm tội bao gồm: cán bộ thôn, xã, huyện với thủ đoạn lập không chứng từ, làm giả tài liệu để chiếm đoạt tài sản. Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển hàng hóa không có chứng từ chứng minh nguồn gốc tiếp tục diễn biến phức tạp; các đối tượng thường sử dụng thủ đoạn mua hàng nhập lậu, dùng hóa đơn nội địa hợp pháp hóa, chia nhỏ hàng hóa để vận chuyển, quay vòng hóa đơn chứng từ, gây khó khăn cho công tác phát hiện và đấu tranh của lực lượng chức năng.

** Tội phạm sử dụng công nghệ cao: Chưa phát hiện, xử lý vụ việc nào.*

** Tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường*

Phát hiện và xử lý 495 vụ, 467 cá nhân, 29 tổ chức vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; nổi lên hoạt động vận chuyển động vật không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sử dụng hóa chất, phụ gia thực phẩm không rõ nguồn gốc để tẩm ướp thực phẩm; khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép (chủ yếu là khai thác đất, cát, sỏi, than); vi phạm các quy

định về bảo vệ môi trường tiếp tục diễn ra ở nhiều địa phương trong tỉnh nhất là tại các khu vực làng nghề.

** Tội phạm và tệ nạn ma túy*

Đã phát hiện, bắt 210 vụ 292 đối tượng có hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy (giảm 12 vụ, giảm 78 đối tượng so với cùng kỳ năm 2017); thu giữ 5742.062 gam êrôin, 4851.585 gam ma túy tổng hợp, 5,335 gam cần sa, 8 ô tô, 27 xe mô tô và một số tang vật khác. Đã khởi tố 168 vụ 187 bị can; xử lý hành chính 25 vụ 66 đối tượng. Tình hình mua bán, tàng trữ, vận chuyển ma túy tổng hợp dạng tinh thể (ma túy đá) tiếp tục diễn biến phức tạp; thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi, liêu lĩnh, manh động. Số người nghiện ma túy tăng trong đó số người nghiện ma túy tổng hợp xu hướng tăng; nhiều vụ việc đối tượng bị ảo giác, “ngáo đá” có hành vi vi phạm pháp luật. Tình trạng trồng cây, tái trồng cây có chứa chất ma túy còn xảy ra ở một số địa phương.

Trong thời gian tới, các thế lực thù địch, phản động tiếp tục lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, quyền khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền, xuyên tạc, kích động tập trung đông người khiếu kiện gây mất ANTT; tình hình an ninh xã hội tiềm ẩn phức tạp về ANTT; tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật về hình sự, kinh tế, ma túy, cờ bạc diễn biến phức tạp đáng chú ý nổi lên tình trạng giết người do mâu thuẫn gia đình, mâu thuẫn cá nhân, mâu thuẫn do tranh chấp đất đai; thanh thiếu niên tụ tập thành các nhóm dùng hung khí nguy hiểm đánh nhau gây hậu quả nghiêm trọng; hoạt động của các ổ nhóm hình sự bảo kê tệ nạn xã hội, đòi nợ thuê.

b) Nguyên nhân của tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật

Do ảnh hưởng tiêu cực của sự phát triển nền kinh tế thị trường dẫn tới sự gia tăng của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn...; tác động tiêu cực của các thông tin trên trang mạng điện tử dẫn tới nhận thức của một số bộ phận nhân dân, nhất là thanh thiếu niên còn chưa được đầy đủ dễ dẫn tới các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Kết quả các mặt công tác

a) Công tác đấu tranh chống tội phạm

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Đã tiếp nhận 1654 tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố (tiếp nhận mới 1569 tin, chuyển từ năm 2017 sang 85 tin); tổ chức xác minh, giải quyết 1295 tin (đạt tỷ lệ 78.2%), kết quả: chuyển khởi tố vụ án hình sự 784 tin, 116 vụ xử lý hành chính, số tin quá hạn giải quyết 18 tin.

- Đã điều tra làm rõ 475 vụ 574 đối tượng phạm tội về trật tự xã hội (đạt tỷ lệ 76.7%) trong đó tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm, án đặc biệt nghiêm trọng đạt

100%. Cơ quan điều tra các cấp đã khởi tố mới 1057 vụ 1667 bị can; kết luận điều tra chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đề nghị truy tố 893 vụ 1583 bị can.

- Nhìn chung, các cơ quan điều tra đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án. Tuy nhiên, do trình độ của một số điều tra viên, cán bộ làm công tác điều tra còn hạn chế chưa nâng cao tinh thần trách nhiệm, do vậy chất lượng hồ sơ một số vụ việc còn yếu, còn xảy ra việc Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung, trong kỳ có 36 vụ Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung chiếm tỷ lệ 3,4% (lý do thiếu chứng cứ để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 (những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự) của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 mà Viện kiểm sát không thể tự mình bổ sung được; có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng).

- Hỏi cung bị can: Tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật trong khi tiến hành hỏi cung bị can. Trong kỳ, chưa phát hiện vụ việc bức cung, nhục hình trong hoạt động hỏi cung bị can.

- Cơ quan điều tra các cấp đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về thời hạn điều tra và thẩm quyền gia hạn điều tra, căn cứ vào nội dung, tính chất, hậu quả thiệt hại của từng vụ án để tập trung chỉ đạo, có kế hoạch điều tra vụ án rõ ràng.

+ Tạm đình chỉ điều tra 108 vụ 29 bị can (do hết thời hạn điều tra chưa xác định được bị can, hết thời hạn điều tra bị can bỏ trốn, hết thời hạn điều tra chờ kết quả giám định).

+ Đình chỉ điều tra 25 vụ 42 bị can (do không có sự việc phạm tội, do chuyển biến tình hình, do bị hại rút đơn, do bị can chết, bị can được miễn trách nhiệm hình sự).

- Phục hồi điều tra: Số vụ án phục hồi điều tra sau khi hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra là 53 vụ.

- Kết quả công tác truy nã: Công tác truy nã tội phạm, bắt, vận động đầu thú, thanh loại 75 đối tượng truy nã (trong đó có 23 đối tượng nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm), ra quyết định truy nã 62 đối tượng, số đối tượng truy nã hiện còn 185 (trong đó 93 đối tượng nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm).

- Việc áp dụng biện pháp tạm giam: Số đối tượng bị tạm giam quá hạn: Không; số đối tượng Viện kiểm sát nhân dân không phê chuẩn quyết định tạm giam, quyết định gia hạn tạm giam, quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn: Không.

- Thực hiện nghiêm các quy định Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015; tổ chức phân loại chặt chẽ các đối tượng và bố trí buồng giam hợp lý, chủ động các biện pháp phòng ngừa không để xảy ra thông cung, tự sát trong trại tạm giam, nhà tạm giữ, đồng thời trong quá trình giam giữ thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, chấn chỉnh việc chấp hành nội quy, tổ chức giáo dục chung tại buồng giam kết hợp với giáo dục riêng đối với những can phạm nhân vi phạm nội quy. Tuy nhiên hiện nay cơ sở vật chất của trại tạm giam, các nhà tạm giữ đã xuống cấp, trang thiết bị thường xuyên bị hư hỏng dẫn tới công tác giam giữ còn gặp nhiều khó khăn. Trong kỳ, xảy ra 06 trường hợp phạm nhân chết do bệnh lý.

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về áp dụng biện pháp ngăn chặn khác: 01 trường hợp cấm đi khỏi nơi cư trú, 04 trường hợp cấm xuất cảnh.

- Số liệu án tử hình: 25 đối tượng án tử hình; số đối tượng tử hình đã thi hành án: 04; số đối tượng bị tuyên án tử hình được giảm án xuống chung thân: 01; số đối tượng đã xét xử sơ thẩm: 25; số đối tượng đã xét xử phúc thẩm: 25; số đối tượng có đơn xin ân xá: 22; số đối tượng không có đơn xin ân xá: 03; số đã có quyết định thi hành án: 02; số chưa ra quyết định thi hành án: 23.

- Việc cấp giấy chứng nhận bào chữa cho người bào chữa của cơ quan điều tra: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, những đối tượng, bị can có yêu cầu về người bào chữa, Cơ quan điều tra đã tạo điều kiện cấp giấy chứng nhận cho người bào chữa để họ thực hiện quyền bào chữa. Trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa theo quy định của Bộ luật TTHS, cơ quan điều tra đã chủ động thực hiện đúng quy định TTHS đảm bảo quyền cho bị can.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác tiếp nhận và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, cơ quan, tổ chức về việc điều tra, xử lý các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, của cơ quan Công an được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trong kỳ đã tiếp nhận 26 đơn khiếu nại, tố cáo trong đó thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra là 16 đơn, đã giải quyết 16 đơn.

- Phối hợp, duy trì tốt mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân trong công tác bắt, giam, giữ, điều tra, xử lý tội phạm trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra các cấp đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện tốt nhất để Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong quá trình kiểm sát, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, cũng như giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành hoặc mới có hiệu lực như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015; Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015; Nghị định số 37/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự; Thông tư số 56/2017/TT-BCA của Bộ Công an quy định phân công thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra trong Công an nhân dân; Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân Tối cao - Bộ Công an - Bộ Tư pháp quy định những trường hợp cần thiết phải trung cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ việc về tham nhũng, kinh tế; Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện

một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Quyết định số 1647/QĐ-BCA ngày 19/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an về nơi có đủ điều kiện để thực hiện việc ghi âm, ghi hình có âm thanh hoạt động hỏi cung bị can trong Công an nhân dân... phù hợp với đặc điểm đối tượng, địa bàn.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Giám định tư pháp, các văn bản quy định của Bộ Công an về quy trình điều tra các loại án, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi qua đó góp phần khám phá các vụ việc đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp đối với đội ngũ điều tra viên, cán bộ làm công tác điều tra, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị; thường xuyên xây dựng kế hoạch, mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ làm công tác điều tra xử lý tội phạm. Thực hiện tốt công tác quản lý trại tạm giam, nhà tạm giữ công an các huyện, thành phố; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của cơ quan điều tra, nhà tạm giữ, trại tạm giam tiếp tục được quan tâm đầu tư, mua sắm, tuy nhiên hiện nay số nhà tạm giữ Công an cấp huyện và Trại tạm giam Công an tỉnh đã xuống cấp một số hạng mục không đáp ứng được yêu cầu giam, giữ và đang trong quá trình sửa chữa, nâng cấp.

b) Kết quả xử lý vi phạm hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, nhất là việc áp dụng các biện pháp đưa đối tượng vào Trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục và cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đã lập 389 hồ sơ đưa đối tượng vào diện quản lý tại xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 111/NĐ-CP của Chính phủ; lập hồ sơ đưa 12 đối tượng vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.

- Công an các đơn vị, địa phương đã phát hiện, xử lý 65.549 trường hợp vi phạm hành chính trên lĩnh vực an ninh, trật tự, số tiền phạt 49,694 tỷ đồng, trong đó: 47 trường hợp về văn hóa tư tưởng, 190 trường hợp trong quản lý xuất nhập cảnh, 151 trường hợp vi phạm trên lĩnh vực về trật tự quản lý kinh tế, 309 trường hợp trên lĩnh vực môi trường, 595 trường hợp trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội, 136 trường hợp vi phạm về ma túy, 63.586 trường hợp trên lĩnh vực đảm bảo trật tự an toàn giao thông; 83 trường hợp trên lĩnh vực phòng cháy chữa cháy, 452 trường hợp trên quản lý hành chính về TTXH.

c) Kết quả thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong công tác điều tra, xử lý vi phạm pháp luật và tội phạm

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội về “tăng cường các biện pháp phòng, chống oan sai và bảo đảm bồi

thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự”; Chỉ thị số 08/2005/CT-BCA-V19 ngày 10/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc “khắc phục tình trạng làm oan người vô tội trong các vụ án hình sự và xử lý trách nhiệm đối với cán bộ Công an có liên quan”, Thông tư số 55/2012/TT-BCA ngày 17/9/2012 của Bộ Công an quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong Công an nhân dân. Trong kỳ, không có tổ chức, cá nhân nào có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc

** Tồn tại, hạn chế:*

- Công tác nắm tình hình, có nơi, có lúc còn chưa thực sự chủ động nhất là đối với các loại tội phạm hoạt động lưu động, hoạt động theo băng, ổ nhóm.

- Công tác giải quyết một số tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố còn chậm; còn để xảy ra tình trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

** Khó khăn, vướng mắc:*

- Việc triển khai một số quy định trong Bộ Luật Tố tụng hình sự 2015, Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 còn lúng túng nhất là trong công tác điều tra, xử lý tội phạm.

- Phần lớn cán bộ, chiến sỹ là cán bộ, chiến sỹ trẻ mới qua đào tạo chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác; lực lượng điều tra viên, cán bộ làm công tác điều tra ở cấp cơ sở còn thiếu cả về số lượng và chất lượng.

- Về lực lượng Công an xã, thị trấn thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ, năng lực; chế độ chính sách đối với còn thấp, do đó việc xây dựng lực lượng Công an xã gặp khó khăn.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là trên một số lĩnh vực đặc thù như phòng chống tội phạm công nghệ cao, tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

2. Nguyên nhân

- Trình độ, năng lực của một số cán bộ chiến sỹ còn hạn chế, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

- Một số vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, xuất hiện nhiều tình tiết mới; có những vụ việc liên quan tới nhiều đối tượng, thời gian kéo dài.

IV. NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2019

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật

tự, an toàn xã hội như: Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới”; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 63/2013/QH13 của Quốc Hội và Chương trình của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm; Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa lực lượng Công an và Quân đội trong công tác đảm bảo ANTT và nhiệm vụ quốc phòng...

2. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2015-2025, định hướng đến năm 2030; triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 30/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. Tổ chức thực có hiệu quả các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; tập trung triệt phá các băng, nhóm tội phạm nguy hiểm; triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; kịp thời giải quyết các vấn đề phức tạp về tội phạm trên các tuyến, địa bàn, lĩnh vực, đối tượng trọng điểm. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong điều tra, xử lý tội phạm, không để lọt tội phạm, không để xảy ra bức cung, nhục hình, oan, sai.

3. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 2380/KH-UBND ngày 12/11/2012 của UBND tỉnh về đấu tranh phòng, chống ma túy giai đoạn 2012-2020. Chỉ đạo triển khai các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm ma túy, triệt phá các đường dây, tụ điểm, đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy; tiếp tục phối hợp triển khai công tác lập hồ sơ đưa nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”. Tập trung đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong đấu tranh phòng chống tội phạm; kịp thời khen thưởng, động viên các cá nhân, tập thể có thành tích trong tố giác tội phạm. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện tốt chế độ chính sách đối với lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp. Tham mưu, phối hợp với các đơn vị chức năng khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả các biện pháp xử lý hành chính đưa đối tượng vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến” và “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Cuộc vận động xây dựng phong cách người CAND bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ. Tăng cường công tác quản lý cán bộ, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm vì nhân dân phục vụ của cán bộ, đảng viên; thực hiện tốt công tác nghiên cứu biên soạn, tổng kết thực tiễn.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về ANTT; quản lý xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quản lý, phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng người địa phương xuất cảnh trái phép. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động khủng bố, phá hoại của các thế lực thù địch và bọn tội phạm, không để bị động trong mọi tình huống.

7. Làm tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh thông tin; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn khách quốc tế về thăm và làm việc tại địa phương. Giải quyết ổn định các vụ đình công, lãn công; tình hình phức tạp về an ANTT tại các khu, cụm công nghiệp và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8. Tập trung nắm, phân tích, đánh giá và dự báo chính xác tình hình, kịp thời giải quyết có hiệu quả các các điểm mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp trong nhân dân và những vấn đề có liên quan đến tôn giáo, dân tộc; chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng chính trị lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo nhằm lôi kéo, kích động tụ tập đông người gây mất ANTT. Tiếp tục chỉ đạo giải quyết các hoạt động tôn giáo trái pháp luật trên địa bàn.

9. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ANTT; trọng tâm là quản lý cư trú, quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông, làm giảm tai nạn giao thông; nâng cao hiệu quả các biện pháp xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, nhất là tình trạng phương tiện chở hàng quá khổ, quá tải trọng lưu thông trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống cháy, nổ; vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ Công an tham mưu, đề xuất Chính phủ, Quốc hội tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác điều tra để các cơ quan tiến hành tố tụng có căn cứ áp dụng trong công tác điều tra, tạo thuận lợi cho hoạt động điều tra. Chỉ đạo thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ chiến sĩ nhất là lực lượng làm công tác điều tra.

2. Đề nghị Bộ Công an tiếp tục quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, phương tiện, khoa học, kỹ thuật cho Công an tỉnh Bắc Giang phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật như: Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh; tăng cường kinh phí hỗ trợ công tác tuyên truyền, phòng chống tội phạm...

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết các chuyên đề công tác nghiệp vụ, các vụ án phức tạp, điển hình; xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang./

Nơi nhận: *vs*

- Bộ Công an (B/c);
- Công an tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TKCT, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh

Nguyễn Văn Linh

Số liệu về kết quả công tác phòng, chống tội phạm và VPPL năm 2018
(kèm theo Báo cáo số 169 /BC-UBND ngày 16 /10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Chỉ tiêu thống kê

STT	Chỉ tiêu thống kê	Năm 2018		Năm 2017	
		(từ 01/10/2017 - 31/7/2018)	(từ 01/10/2017 - 30/9/2018)	(từ 01/10/2016 - 31/7/2017)	(từ 01/10/2016 - 30/9/2017)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	I. An ninh				
2	1. Khiếu kiện				
3	Số lượt khiếu kiện	63	70	66	74
4	Số lượt người tham gia	1021	1295	1299	1377
5	Số vụ việc liên quan đến khiếu kiện	25	28	30	34
6	2. Công tác điều tra, xử lý của cơ quan an ninh điều tra				
7	Số vụ cơ quan An ninh khởi tố	13	14	10	12
8	Số bị can cơ quan An ninh khởi tố	22	24	35	41
9	Số vụ cơ quan An ninh đề nghị truy tố	10	11	8	9
10	Số đối tượng cơ quan An ninh đề nghị truy tố	17	18	30	31
11	<i>Trong đó: - Số vụ xâm phạm ANQG đã khởi tố</i>				
12	<i>- Số bị can xâm phạm ANQG đã khởi tố</i>				
13	II. Về phòng, chống tội phạm				
14	1. Tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội				
15	Số vụ phạm tội về trật tự xã hội	471	619	599	739
16	Số đối tượng phạm tội về trật tự xã hội	617	758	1460	1718
17	Số người chết do tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội gây ra	17	20	14	17
18	Số người bị thương do tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội gây ra	132	173	94	103
19	Tài sản thiệt hại do tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội gây ra (ước tính triệu đồng)	12300	14300	7600	17578
20	Tổng số vụ khám phá	335	475	455	585
21	Số đối tượng bị bắt giữ, xử lý	412	574	1460	1734
22	Số vụ phạm tội sử dụng vũ khí nóng	1	1	0	1
23	Số vụ phạm tội có tổ chức	0		0	1
24	Số băng, ổ, nhóm bị triệt phá	42	48	0	26
25	Số vụ giết người	18	23	13	18
26	Số đối tượng giết người	22	27	14	19
27	Trong đó:				
28	<i>- Số vụ giết người, hiếp dâm</i>				
29	<i>- Số vụ giết người, cướp tài sản</i>				
30	<i>- Số vụ giết, hiếp, cướp</i>				
31	<i>- Số vụ giết thân nhân</i>	2	4	3	3
32	<i>- Số vụ giết người do nguyên nhân xã hội</i>	16	19	10	15

33	Tổng số vụ hiếp dâm	5	8	8	8
34	<i>Trong đó:</i>				
35	- Số vụ hiếp dâm trẻ em (nạn nhân là người dưới 16 tuổi)	2	4	4	4
36	- Số vụ hiếp dâm tập thể			0	
37	Số vụ cưỡng dâm trẻ em	0	0	4	4
38	Số đối tượng cưỡng dâm trẻ em			4	4
39	Số vụ giao cấu trẻ em	0	4	8	8
40	Số đối tượng giao cấu trẻ em		4	8	8
41	Số vụ dâm ô trẻ em	2	3	4	4
42	Số đối tượng dâm ô trẻ em	2	3	4	4
43	Số vụ cưỡng đoạt tài sản	7	9	1	4
44	Số đối tượng cưỡng đoạt tài sản	13	16	1	4
45	Số vụ trộm cắp tài sản	212	281	193	231
46	Số đối tượng trộm cắp tài sản	206	269	185	208
47	Số vụ cướp tài sản	13	14	17	22
48	Số đối tượng cướp tài sản	9	10	13	20
49	Số vụ lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản	15	20	26	30
50	Số đối tượng lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản	19	24	25	29
51	Số vụ hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	19	26	11	11
52	Số đối tượng hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	19	26	6	6
53	Số vụ gây rối trật tự công cộng	0	0	1	1
54	Số đối tượng gây rối trật tự công cộng			6	6
55	Số vụ mua bán người	2	2	0	0
56	Số đối tượng mua bán người	3	3	0	0
57	Số vụ chống người thi hành công vụ	5	6	4	4
58	<i>Trong đó, số vụ chống lại lực lượng Công an</i>	5	6	4	4
59	Số đối tượng chống người thi hành công vụ	6	8	4	4
60	<i>Trong đó, số đối tượng chống lại lực lượng Công an</i>	6	8	4	4
61	Số cán bộ Công an hy sinh trong khi thi hành công vụ			0	0
62	Số cán bộ Công an bị thương trong khi thi hành công vụ	3	4	2	2
63	Số vụ tàng trữ, buôn bán vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	16	17		1
64	Số vụ đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc	160	186	183	219
65	Số đối tượng đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc	928	1155	826	1014
66	Số vụ chứa mại dâm	5	6	13	15
67	Số đối tượng chứa mại dâm	6	7	41	43
68	Số vụ môi giới mại dâm	7	8	0	3
69	Số đối tượng môi giới mại dâm	7	8	0	3

70	Số hồ sơ chuyển tòa án nhân dân đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc				
71	Số trường hợp TAND ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc	82	90	74	82
72	Số đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục	7	9	4	4
73	Số đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng	3	4	6	8
74	Số vụ xâm hại trẻ em				
75	Số đối tượng xâm hại trẻ em				
76	Tổng số vụ khởi tố về trật tự xã hội	860	1048	816	885
77	Tổng số bị can về trật tự xã hội	1326	1655	1306	1429
78	Số vụ bị xử phạt hành chính	186	225	156	160
79	Số tiền phạt (triệu đồng)	705	848	661	707,5
80	2. Tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực viễn thông, tin học				
81	Số vụ đã phát hiện	0	0	0	0
82	Số đối tượng đã phát hiện			0	
83	Số vụ án đã khởi tố	0		0	
84	Số bị can			0	
85	Số vụ bị xử lý hành chính	0		0	
86	Số tiền phạt (triệu đồng)				
87	3. Tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế				
88	Số vụ phát hiện	199	222	376	242
89	Số đối tượng bị phát hiện	209	231	391	285
90	Tài sản thu hồi (ước tính triệu đồng)	13100	14200	10000	10505
91	Số vụ sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm	74	77	36	42
92	Số vụ sản xuất, buôn bán hàng giả	3	4	5	5
93	Số vụ vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng đất đai			0	0
94	Số vụ án khởi tố	20	22	15	16
95	Số bị can	22	25	16	18
96	Số vụ xử phạt hành chính	148	200	361	429
97	Số tiền phạt (triệu đồng)	3600	4000	1360	1773
98	4. Tội phạm và vi phạm pháp luật về tham nhũng và các vi phạm khác về chức vụ				
99	Số vụ đã phát hiện	9	11	8	8
100	Số đối tượng bị phát hiện	12	16	11	11
101	Tài sản thu hồi (ước tính triệu đồng)	1510	1800	661	661
102	Số vụ tham ô tài sản	2	3	4	4
103	Số đối tượng tham ô tài sản	2	5	4	4
104	Số vụ nhận hối lộ			0	0
105	Số đối tượng nhận hối lộ			0	0
106	Số vụ lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ	2	3	3	3

107	Số đối tượng lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ	2	3	5	5
108	Số vụ khởi tố	9	11	8	8
109	Số bị can	12	16	11	11
110	5. Tội phạm và vi phạm pháp luật môi trường				
111	Số vụ phát hiện	406	495	229	510
112	Số tổ chức phát hiện	25	29	73	83
113	Số cá nhân phát hiện	384	467	186	457
114	Số tài sản thiệt hại (ước tính triệu đồng)	3800	4500	2500	3200
115	Số vụ khai thác khoáng sản trái phép	213	245	183	229
116	Trong đó:				
117	- Số vụ khai thác cát trái phép	38	44	47	67
118	- Số đối tượng khai thác cát trái phép	39	45	47	67
119	Số vụ tàng trữ, vận chuyển, buôn bán thực phẩm không qua kiểm dịch	112	132	125	147
120	Số vụ vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại				
121	Số vụ vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường				
122	Số vụ đưa chất thải vào Việt Nam				
123	Số vụ buôn bán, vận chuyển sản phẩm từ động vật hoang dã quý hiếm		0	2	2
124	Số vụ vi phạm các quy định về nuôi nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã, quý hiếm	1	1	3	3
125	Số vụ gây ô nhiễm môi trường	37	53	14	33
126	Số vụ vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	21	22	4	7
127	Số đối tượng bị lập hồ sơ xử lý	406	467	168	540
128	Số vụ án về môi trường bị khởi tố	2	2	5	5
129	Số bị can	6	6	2	2
130	Số vụ bị xử lý hành chính	406	462	229	500
131	Số tiền đã xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng)	2600,0	2900	852	1415
132	6. Tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy				
133	Số vụ đã phát hiện, xử lý	180	210	195	222
134	Số đối tượng bị phát hiện, bắt giữ	252	292	324	370
135	Số heroin thu giữ (gam)	2580	5742,062	289,340	300,304
136	Số ma túy tổng hợp thu giữ (gam)	4282	4851,585	4004	4834,551
137	Số ma túy tổng hợp thu giữ (viên)	2101	2101		12331
138	Số thuốc phiện thu giữ (ước tính kg)	0,05	0,05		
139	Diện tích trồng cây cần sa bị phát hiện (m ²)				6,000
140	Số cần sa thu giữ (ước tính kg)		37		35
141	Số vụ án khởi tố	142	168	167	190
142	Số bị can	154	187	180	207
143	Số vụ xử phạt hành chính	25	25	22	26
144	Số tiền phạt (triệu đồng)	152	152	124	138,250

145	7. Tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng				
146	<i>Tội phạm rất nghiêm trọng</i>				
147	- Số vụ phát hiện	34	42	28	34
148	- Số vụ khám phá	34	42	26	32
149	- Số đối tượng khám phá	48	54	34	38
150	Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng				
151	- Số vụ phát hiện	18	23	13	18
152	- Số vụ khám phá	18	23	13	18
153	- Số đối tượng khám phá	22	27	14	19
154	8. Tổ giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố				
155	<i>Số tổ giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố phải giải quyết trong kỳ</i>	1378	1654	1579	1857
156	- Số tin đã giải quyết	1048	1295	1330	1553
157	- Số tin có căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can	652	784	896	1039
158	- Số tin quá hạn giải quyết	17	18		21
159	- Số vụ bị xử lý hành chính	104	116	39	59
160	- Số tiền phạt (triệu đồng)	314,500	556	512	623
161	<i>Số tổ giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố mới tiếp nhận trong kỳ</i>	1131	1569	1269	1506
162	- Số tin đã giải quyết	798	1142	1024	1206
163	- Số tin có căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can	469	836	693	795
164	- Số tin quá hạn giải quyết	17	18		24
165	9. Công tác truy nã				
166	Số đối tượng truy nã đã vận động ra đầu thú, thanh loại	24	27	38	44
167	Số đối tượng truy nã bị bắt	43	48	62	67
168	Số đối tượng nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm bị bắt	19	23	24	27
169	Số đối tượng truy nã phát sinh trong kỳ	54	62	64	93
170	Số đối tượng truy nã hiện còn	181	185	177	193
171	- Trong đó, số đối tượng nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm	93	93	93	96
172	10. Kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động điều tra trong Công an nhân dân				
173	Tổng số đơn tiếp nhận	25	26	58	85
174	- Đơn khiếu nại	21	21	55	61
175	- Đơn tố cáo	4	5	3	24
176	- Đơn thuộc thẩm quyền của các cơ quan điều tra	16	16	50	75
177	- Đơn chuyển các cơ quan chức năng khác	9	10	5	10
178	Kết quả giải quyết				
179	- Đơn khiếu nại:	12	12	30	38
180	+ Khiếu nại đúng				1
181	+ Khiếu nại sai	12	12	30	37
182	+ Khiếu nại không có cơ sở giải quyết				

183	- Đơn tố cáo:	3	3	3	7
184	+ Tố cáo đúng				
185	+ Tố cáo sai	3	3	3	7
186	+ Tố cáo không có cơ sở giải quyết				
187	III. Công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội				
188	1. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông				
189	Số vụ tai nạn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy; bao gồm cả các vụ va chạm giao thông)	360	441	144	177
190	- Số người chết	175	206	65	74
191	- Số người bị thương	263	341	122	164
192	- Thiệt hại tài sản (ước tính triệu đồng)	1850	2050	1500	1700
193	- Số vụ khởi tố	6	8	16	16
194	- Số bị can	6	8	16	14
195	Số trường hợp vi phạm bị xử lý	16040	63586	7304	9336
196	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (ước tính triệu đồng)	13800	44800	10700	15700
197	Số ô tô đăng ký mới	3589	4399	4399	4867
198	Số mô tô đăng ký mới	19019	23499	34442	27954
199	2. Cháy, nổ	27	32	48	56
200	2.1. Cháy:				
201	Số vụ	27	31	48	55
202	Số người chết				
203	Số người bị thương	2	2	5	16
204	Tài sản thiệt hại (ước tính triệu đồng)	14000	1715,000	27825	35325,000
205	Số vụ án khởi tố	0		0	
206	Số bị can			0	
207	Số vụ xử phạt hành chính	5	5	26	26
208	Số tiền phạt (triệu đồng)	62	62	153	153
209	2.2. Nổ:				
210	Số vụ	0	1	0	1
211	Số người chết		1		
212	Số người bị thương				2
213	Tài sản thiệt hại (ước tính triệu đồng)				
214	Số vụ án khởi tố				
215	Số bị can				
216	Số vụ bị xử lý hành chính				
217	Số tiền phạt (triệu đồng)				
218	3. Vi phạm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ				
219	Số vụ chế tạo tàng trữ, vận chuyển và sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	19	21	5	5
220	Số đối tượng chế tạo tàng trữ, vận chuyển và sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	24	27	7	7
221	Số khẩu súng thu giữ	14	14	17	17

222	Số viên đạn thu giữ	25	25	27	27
223	Số quả lựu đạn, mìn thu giữ			5	5
224	Số vụ án khởi tố	4	4	0	1
225	Số bị can	5	5	0	3
226	Số vụ bị xử lý hành chính	14	16	4	4
227	Số tiền phạt (tính đồng)	74,850	85	25	25
228	IV. Công tác tạm giữ, tạm giam				
229	Tổng số người bị tạm giữ	758	952	865	1051
230	<i>Trong đó: - Số người mới bị tạm giữ trong kỳ</i>	734	941	839	1042
231	<i>- Số người còn tạm giữ đến cuối kỳ</i>	6	9	3	6
232	<i>- Số người còn tạm giữ quá hạn đến cuối kỳ thống kê</i>				
233	<i>- Số tạm giữ trả tự do</i>	2	40		8
234	<i>- Số đối tượng bị gia hạn tạm giữ</i>		314		254
235	Số trường hợp VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ	19	34	4	6
236	Số trường hợp VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ	2	2		2
237	Số trường hợp VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp				
238	Số đối tượng tạm giữ chuyển xử lý hành chính	14	14		46
239	Tổng số người bị tạm giam	1381	1578	1316	1804
240	<i>Trong đó: - Số người mới tạm giam trong kỳ</i>	1156	1356	1146	1245
241	<i>- Số người còn bị tạm giam đến cuối kỳ</i>	438	490	494	494
242	<i>- Số người còn tạm giam quá hạn đến cuối kỳ</i>				
243	<i>- Số hội đồng xét xử trả tự do</i>	8	9		3
244	<i>- Số đối tượng chuyển sang biện pháp ngăn chặn khác</i>	76	103		90
245	Số đối tượng VKS không phê chuẩn quyết định tạm giam				
246	Số đối tượng VKS không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giam				
247	Số đối tượng tạm giam chuyển xử lý hành chính				
248	Số đối tượng chết trong trại tạm giam, nhà tạm giữ	6	6	0	0
249	<i>Trong đó:</i>				
250	<i>- Tự tử</i>				
251	<i>- Đánh nhau chết</i>				
252	<i>- Chết do bệnh lý</i>	6	6	0	0
253	<i>- Chết do nguyên nhân khác</i>				
254	Số đối tượng trốn khỏi nhà tạm giữ, trại tạm giam	0	1	3	6
255	<i>- Trong đó, số đối tượng đã bắt lại</i>		1	3	5

256	Số đối tượng bị tuyên án tử hình đang bị tạm giam trong các trại tạm giam (tính đến cuối kỳ thống kê)	25	25	32	32
257	<i>- Trong đó, số đối tượng bị tuyên án tử hình phát sinh mới trong kỳ thống kê</i>	0	0	2	2
258	Số đối tượng bị tuyên tử hình đã thi hành án	4	4	0	2
259	Số đối tượng bị tuyên án tử hình được giảm án xuống tù chung thân	2	1	1	1
260	Số đối tượng bị tuyên án tử hình còn lại chưa thi hành án đang tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê	25	25	32	32
261	Trong đó:				
262	<i>- Số đối tượng đã xét xử sơ thẩm</i>	25	25	12	11
263	<i>- Số đối tượng đã xét xử phúc thẩm</i>	24	25	20	21
264	<i>- Số đối tượng đã có đơn xin ân xá</i>	22	22	15	16
265	<i>- Số đối tượng không có đơn xin ân xá</i>	2	3	1	16
266	<i>- Số bị án Tòa án đã ra quyết định thi hành</i>	2	2	4	6
267	<i>- Số bị án Tòa án chưa ra quyết định thi hành</i>	23	23	28	26
268	V. Công tác điều tra, xử lý tội phạm của lực lượng an ninh, cảnh sát				
269	Số vụ khởi tố mới	860	1057	831	1048
270	Số bị can khởi tố mới	1326	1667	1306	1650
271	Số vụ án khởi tố theo yêu cầu của Viện kiểm sát	60	60	72	72
272	Số bị can khởi tố theo yêu cầu của Viện kiểm sát	117	117	138	138
273	Số bị can VKS nhân dân không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam				
274	Số người bị CQĐT bắt theo yêu cầu của VKS để bắt tạm giam				
275	Số đối tượng CQĐT đề nghị gia hạn tạm giam nhưng VKS không gia hạn tạm giam, quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn				
276	Số vụ kết luận điều tra, đề nghị truy tố	684	893	374	579
277	Số đối tượng đề nghị truy tố	1151	1583	1167	1566
278	Số vụ Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án	0	0	0	0
279	Số vụ Viện kiểm sát hủy quyết định không khởi tố vụ án	1	1	0	0
280	Số vụ Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can				
281	Số vụ Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra	18	25	19	25
282	Số bị can Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra	34	42	26	32
283	Số vụ Viện kiểm sát đình chỉ điều tra	2	2	0	0
284	Số bị can Viện kiểm sát đình chỉ điều tra	1	2	0	0

285	Số vụ đình chỉ vì không có tội (Khoản 1,2 Điều 107 BLTTHS 2003 và Khoản 1,2 Điều 157 BLTTHS 2015)	2	2	0	0
286	Số bị can đình chỉ vì không có tội (Khoản 1,2 Điều 107, BLTTHS 2003 và Khoản 1,2 Điều 157 BLTTHS 2015)	1	1	0	0
287	Số vụ đình chỉ vì hết hạn điều tra không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm (Điểm b, Khoản 2, Điều 164 BLTTHS 2003 và Điểm b, Khoản 1 Điều 230 BLTTHS 2015)	0	0	0	0
288	Số bị can đình chỉ vì hết hạn điều tra không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm (Điểm b, Khoản 2, Điều 164 BLTTHS 2003 và Điểm b, Khoản 1 Điều 230 BLTTHS 2015)	0	0	0	0
289	Số vụ đình chỉ vì có một trong các căn cứ quy định tại Điểm a , Khoản 2, Điều 164 BLTTHS 2003 và Điểm a, Khoản 1 Điều 230 BLTTHS 2015		0	0	0
290	Số bị can đình chỉ vì có một trong các căn cứ quy định tại Điểm a , Khoản 2, Điều 164 BLTTHS 2003 và Điểm a, Khoản 1 Điều 230 BLTTHS 2015				
291	Số bị can đình chỉ vì miễn trách nhiệm hình sự	5	5		9
292	Số vụ Cơ quan điều tra tạm đình chỉ điều tra (Điều 160 BLTTHS 2003 và Điều 229 BLTTHS 2015)	91	108	60	146
293	Số bị can Cơ quan điều tra tạm đình chỉ điều tra (Điều 160 BLTTHS 2003 và Điều 229 BLTTHS 2015)	16	29	15	36
294	Số vụ án phục hồi điều tra sau khi hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra	14	53	0	58
295	Số vụ án phục hồi điều tra sau khi hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra				
296	Số vụ án Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung	25	36	14	45
297	Trong đó: - Số vụ án Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ hai lần trở lên	8	8	1	14
298	- Số vụ trả hồ sơ để bổ sung do thiếu chứng cứ để chứng minh vấn đề theo luật định mà Viện kiểm sát không thể bổ sung được	17	17	36	36
299	- Số vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung do có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác				

300	- Số vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung do có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can	0	0		0
301	- Số vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng	1	1		0
302	Số giấy chứng nhận bào chữa do cơ quan điều tra cấp theo yêu cầu của bị can	14	14	24	24
303	Số giấy chứng nhận bào chữa do cơ quan điều tra cấp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự	50	50	39	39
304	Số trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận bào chữa	19	19	1	1
305	Số vụ là vị thành niên (từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi) phạm tội	13	13	14	15
306	Số đối tượng là vị thành niên (từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi) phạm tội	16	16	13	14
307	Số người chấp hành án treo				
308	Số người chấp hành biện pháp cải tạo không giam giữ				
309	Số người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110 BLTTHS 2015)				
310	Trong đó: - Số trường hợp chuyển sang tạm giữ				
311	- Số trường hợp VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp				
312	- Số người bị giữ được trả tự do ngay (Khoản 4, Điều 110 BLTTHS 2015)				
313	1. Liên quan đến lực lượng điều tra viên				
314	Tổng số điều tra viên (tính đến cuối kỳ thống kê):	233	250	254	238
315	- Số điều tra viên cao cấp	16	18	20	18
316	- Số điều tra viên sơ cấp	147	157	158	146
317	- Số điều tra viên trung cấp	70	75	76	74
318	Số điều tra viên của Công an cấp huyện	146	162	146	150
319	Số điều tra viên vi phạm trong hoạt động điều tra hình sự bị xử lý (thống kê theo hình thức xử lý cao nhất):				
320	- Khiển trách	2	4		
321	- Cảnh cáo				
322	- Giáng cấp bậc hàm				
323	- Cách chức	0		1	1
324	- Tước danh hiệu CAND				
325	- Khởi tố, bắt tạm giam				
326	- Truy tố				
327	- Hình thức xử lý khác				

328	2. Liên quan đến lực lượng cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp				
329	Tổng số cán bộ thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	263	263	386	228
330	Số cán bộ đội thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp của Công an cấp huyện	84	84	196	196
331	Số cán bộ thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp bị xử lý kỷ luật trong hoạt động quản lý, thi hành án hình sự; quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam (thống kê theo hình thức bị xử lý cao nhất)				
332	- Khiển trách				
333	- Cảnh cáo	2	2	0	1
334	- Giáng chức				
335	- Cách chức				
336	- Tước danh hiệu CAND				
337	- Khởi tố, bắt tạm giam				
338	- Truy tố				
339	- Hình thức xử lý khác				
340	Số cán bộ làm công tác quản giáo tại trại tạm giam	25	25	32	32
341	VII. Kết quả thực hiện biện pháp khác				
342	1. Các biện pháp ngăn chặn khác				
343	Bảo lãnh (Điều 92 BLTTHS 2003, Điều 121 BLTTHS 2015)				
344	Đặt tiền để bảo đảm (Điều 93 BLTTHS 2003, Điều 122 BLTTHS 2015)				
345	Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 91 BLTTHS 2003, Điều 123 BLTTHS 2015)	1	1	0	0
346	Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124 BLTTHS 2015)	4	4	0	0
347	2. Việc áp dụng các biện pháp điều tra đặc biệt (Chương 16 BLTTHS 2015)				
348	Tổng số vụ	0			
349	Số đối tượng				
350	3. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế				
351	Áp giải, dẫn giải (Điều 127 BLTTHS 2015)	2	2	0	0
352	Kê biên tài sản (Điều 128 BLTTHS 2015)				
353	Phong tỏa tài sản (Điều 129 BLTTHS 2015)				
354	VIII. Về xử phạt vi phạm hành chính				
355	Số vụ lực lượng Công an đã xử phạt vi phạm hành chính	56792	65549	52972	62590
356	Số tiền lực lượng Công an đã xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng)	41296	49694	46687	55043,67